

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày: 10 -12 -2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Thẩm phán Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Đán

Ông Thạch Lực

Bà Nguyễn Thị Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thúy Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/TLST- HS ngày 27/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 26/11/2021 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trương Thị T**, tên gọi khác: Tâm; sinh ngày: 21/02/1975 tại: TH; nơi đăng ký HKTT: Ấp 4, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Khu phố 2, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; con ông Trương Quang T1 , sinh năm: 1934 và bà Lê Thị H, sinh năm: 1941; bị cáo có chồng Dương Thanh H2 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Lê Hồng P – Văn phòng luật sư LP, Đoàn luật sư tỉnh BP, số 160 LTK, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh BP.

Người bị hại:

1. Ông Dương Văn Ph; sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TL, huyện ĐP, tỉnh BP. Có mặt.

2. Ông Đinh Quang S; sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn 8, xã NT, huyện BĐ, tỉnh BP. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp 3, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh BP. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H3; sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố PT, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. Vắng mặt.

2. Chị Dương Thị Hà M; sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh BP. Có mặt.

3. Chị Phạm Thị H4; sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố PX, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh BP. Vắng mặt.

4. Bà Thị B; sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn 02, xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh BP. Có mặt.

5. Bà Hồ Thị D; sinh năm: 1943.

Địa chỉ: Khu phố SC, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. Có mặt.

6. Anh Mai Ngọc L; sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 630 PRĐ, phường TX, thành phố ĐX, tỉnh BP. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn P; sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn MS, xã NL, huyện TN, Thành phố HP. Vắng mặt.

2. Anh Dương Minh H5; sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh BP. Có mặt.

3. Chị Trương Thị T2; sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm 3A, ấp 04, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh BP. Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Ngọc K; sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Khu phố PX, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh BP. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 08 năm 2019, Trương Thị T vay tiền của nhiều người nhưng sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất:

Ngày 07/6/2019, Trương Thị T thế chấp cho ông Dương Văn Ph, SN 1981, HKTT: Ấp 04, xã TL, huyện ĐP, tỉnh BP, 01 GCNQSDĐ số BP 580711 đứng tên bà Hồ Thị D để vay 400 triệu đồng; ngày 13/6/2019, Tươi thế chấp

GCNQSDĐ số 941662 đứng tên hộ bà Thị B để vay 300 triệu đồng. Tổng số tiền 02 khoản đã vay là 700.000.000^d [BL 234-236; 239-243].

Ngày 09/8/2019, Trương Thị T hỏi vay 02 tỷ đồng của ông Phin để đáo hạn khoản vay 2,2 tỷ của Tươi (do con gái của Tươi là Dương Thị Hà M, SN 1994, HKTT: Ấp 04, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh BP; chỗ ở: Phường LT, thị xã PL, tỉnh BP, đứng vay hộ tại Ngân hàng BIDV tỉnh BP), ông Phin đồng ý. Cùng ngày, sau khi ông Phin chuyển 02 tỷ đồng vào tài khoản số 65510000379907 của My mở tại Ngân hàng BIDV tỉnh BP thì Tươi viết “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ghi ngày 09/8/2019 với số tiền vay 02 tỷ đồng; mục đích vay đáo hạn ngân hàng; thời hạn vay 01 ngày (09/8/2019-09/8/2019) [BL 229-230; 237-238; 244-245]. Cùng ngày, bà My thấy khoản tiền này từ tài khoản của Dương Văn Ph chuyển vào tài khoản của mình nên đã gọi điện hỏi Tươi thì Tươi nói vay tiền để My làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho Tươi. My nói Tươi trả lại tiền cho Phin, My sẽ tự lo vay tiền đáo hạn giúp Tươi rồi My chuyển ngược 02 tỷ này vào tài khoản số 65510000255654 của Tươi cũng mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh BP. Cùng ngày 09/8/2019, Tươi đã rút toàn bộ 02 tỷ ra khỏi tài khoản trên [BL 192] nhưng không trả lại cho ông Phin mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Phin sử dụng trả các khoản tiền nợ, tiền lãi khác đã vay trước đó và tiêu xài cá nhân, chỉ còn lại khoảng 200 triệu đồng. Khi quá hạn mà Tươi không trả tiền và cắt liên lạc với ông Phin, không biết Tươi ở đâu nên ngày 21/02/2020, ông Phin gửi đơn đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BP tố cáo Tươi chiếm đoạt tổng số tiền 2,7 tỷ đồng [BL 229-259].

2. Vụ thứ hai:

Sau khi Tươi tiếp tục gọi điện thoại hỏi My về việc vay tiền đáo hạn khoản vay 2,2 tỷ mà My đứng ra vay giúp cho Tươi thì My cho biết mới vay được 300 triệu để chuẩn bị đáo hạn khoản vay trên. Do lo lắng không đáo hạn ngân hàng kịp sẽ ảnh hưởng đến uy tín của My (vì My đang là nhân viên của Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh BP) nên Tươi tiếp tục hỏi vay tiền ông Đinh Quang S để đáo hạn khoản vay 2,2 tỷ trên. Ông Sứy yêu cầu Tươi phải trả 1,2 tỷ tiền nợ cũ thì mới cho vay. Tươi nói hiện mình đã có 500 triệu, xem như đã trả vào khoản vay 1,2 tỷ, còn nợ lại 700 triệu, ông Sứy chỉ cần đưa cho Tươi 1,7 tỷ nhưng viết giấy vay 2,2 tỷ. Ông Sứy nói sẽ cho Tươi vay với điều kiện Tươi phải viết giấy vay là 2,9 tỷ (trong đó khoản vay mới là 2,2 tỷ và 700 triệu tiền nợ cũ) thì Tươi đồng ý. Ngày 27/8/2019, ông Sứy cùng Tươi đến Ngân hàng BIDV BP đưa rồi đưa số tiền 1,7 tỷ cho Tươi. Sau khi nhận tiền, Tươi chuyển 1,6 tỷ vào tài khoản của Tươi tại Ngân hàng BIDV chi nhánh BP [BL 181] và ký giấy nhận nợ với ông Sứy là 2,9 tỷ, bao gồm khoản vay 2,2 tỷ ngày 27/8/2019 và khoản nợ 700 triệu tiền nợ trước đó. Sau đó, Tươi nói cho My biết mình đã vay tiền để đáo hạn khoản vay 2,2 tỷ và sẽ chuyển vào tài khoản của My, My không đồng ý và nói Tươi trả lại tiền, để My tự vay tiền để đáo

hạn. Tôi biết rõ My không đồng ý nhận số tiền trên để đảo hạn nhưng Tôi không trả lại cho ông Súly mà nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân. Vì vậy cùng ngày 27/8/2019, Tôi rút hết 1,6 tỷ ra khỏi tài khoản để tiêu xài và chi trả các khoản tiền nợ, tiền lãi khác; ngày 29/8/2019, Tôi trả lại cho ông Súly 200 triệu, nợ lại 2,7 tỷ, ông Súly viết tay nội dung Tôi trả 200 triệu vào cuối tờ giấy vay tiền ngày 27/8/2018, hẹn trả sau 15 ngày. Khi quá hạn mà Tôi không trả tiền và cắt liên lạc với ông Súly, không biết Tôi ở đâu nên ngày 15/12/2019 ông Súly tố cáo Tôi chiếm đoạt tiền [BL 260-285].

3. Vụ thứ ba:

Trương Thị T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị H, SN 1967, HKTT: Ấp 03, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh BP, tổng cộng 800.000.000^d, khi vay đều có lập hợp đồng vay viết tay và trong đó có 02 khoản vay ghi rõ thời hạn trả nợ (giấy vay 200 triệu (chuyển khoản) ngày 30/8/2019, thời hạn vay 05 ngày; giấy vay 600 triệu (tiền mặt) ngày 23/10/2019, thời hạn vay 20 ngày). Đến thời hạn thanh toán, do nhiều lần đòi tiền Tôi không trả mà bỏ trốn nên ngày 05/3/2020, bà Hoàng đã làm đơn tố cáo Tôi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản [BL 286-304].

Quá trình điều tra, Tôi có đến làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh BP 02 lần vào ngày 23/10/2019 và 02/3/2020, nhưng sau đó Tôi bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an đã nhiều lần triệu tập Tôi lên làm việc nhưng không liên lạc được với Tôi; đã nhiều lần đến lập biên bản xác minh tại nơi Tôi cư trú, Trường Mầm non TP tại huyện ĐP nơi Tôi làm việc và lấy lời khai người thân là anh trai, chị dâu của Tôi tên Trương Quang TH và Trần Thị Hồng Tg; cha ruột của Tôi là ông Trương Quang T1; chị gái ruột là Trương Thị T2; con trai Tôi là Dương Minh H5, con gái là Dương Thị Hà M, hàng xóm là anh Nguyễn Văn TH1 đều xác định không biết Tôi đi đâu, làm gì, không liên lạc được với Tôi và Tôi cũng không liên lạc với những người trên; Cơ quan điều tra ban hành Thông báo tìm kiếm người bị tố giác nhưng không có kết quả; nhà Tôi đang ở lúc bị tố cáo tại khu phố 2, phường TT, thành phố ĐX thì khóa cổng, khóa cửa phía ngoài. Ngày 07/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh BP ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 20 đối với Trương Thị T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 BLHS, nhưng cũng không xác định được bị can đang ở đâu nên đã ra Quyết định truy nã ngày 01/02/2021; ngày 06/02/2021 Tôi đã chủ động liên lạc với con trai Tôi là Dương Minh H5 để Hiếu đưa Tôi ra đầu thú và khai báo rõ sự việc là sau khi vay tiền của ông Súly, ông Phín và bà Hoàng thì Tôi đã tiêu xài, chi trả các khoản tiền nợ, tiền lãi trước đó chỉ còn lại khoảng 40-50 triệu đồng nên đã bỏ trốn đến thành phố HCM, BD và nhiều nơi khác, không ở cố định ở nơi nào. Lời khai của Tôi sau khi đầu thú đã thừa nhận sau khi vay tiền của ông

Phin, ông Súly và bà Hường với tổng số tiền 6.200.000.000^d, Tươi nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã vay. Đến nay, Tươi xác định đã tiêu xài hết toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và không có khả năng trả tiền cho ông Phin, ông Súly và bà Hường [BL 32; 325- 346; 347-390; 391-402; 423-432].

* Kết luận giám định số 21/2021/GĐ-TL ngày 23/4/2021 của Phòng KTHS Công an tỉnh BP, kết luận [BL 47-51]: chữ ký, chữ viết “Trương Thị T” trên tài liệu sau đây là của Trương Thị T:

- “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC SANG NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT” ghi ngày 05/4/2019;

- “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN”, ghi ngày 7/6/2019;

- “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN”, ghi ngày 13/6/2019;

- “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN”, ghi ngày 9/8/2019;

- “GIẤY VAY TIỀN”, ghi ngày 27/8/2019;

- “BẢN CAM KẾT”, ghi ngày 07/10/2019;

- “BẢN CAM KẾT”, ghi ngày 24/10/2019.

* Kết luận giám định số 52/2021/GĐ-TL ngày 12/10/2021 của Phòng KTHS Công an tỉnh BP, kết luận [BL52-53; 572-583]: chữ ký, chữ viết trên tài liệu sau đây là của Trương Thị T:

- “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 30/8/2019;

- “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN”, ghi ngày 23/10/2019;

- “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN”, ghi ngày 29/10/2019;

- “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC SANG NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT”, ghi ngày 05/4/2019;

- “GIẤY VAY TIỀN”, ghi ngày 27/8/2019;

- “BẢN CAM KẾT”, ghi ngày 07/10/2019;

- “BẢN CAM KẾT”, ghi ngày 24/10/2019.

Tại cáo trạng số 24/CT-VKS-P1 ngày 27/10/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BP truy tố bị cáo Trương Thị T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể: bị cáo Trương Thị T thừa nhận có vay nhiều lần của ông Đinh Quang S với tổng số tiền 2,7 tỷ đồng. Đối với ông Dương Văn Ph thì bị cáo thừa nhận có vay tổng số tiền là 2,7 tỷ đồng, nhưng đã trả được 1,2 tỷ đồng, còn nợ ông Phin 1,5 tỷ đồng và vay số tiền 800.000.000^d của bà Nguyễn Thị H nhưng thực tế chỉ có nhận số

tiền là 350 triệu đồng. Ngoài ra, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa Ông Dương Văn Ph yêu cầu bị cáo Tươi phải hoàn trả số tiền 2,7 tỷ đồng; ông Đinh Quang S yêu cầu bị cáo trả 2,7 tỷ cho mình; bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo trả lại cho bà 800.000.000^d.

Bị cáo: bị cáo chấp nhận hoàn trả số tiền như các bị hại yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 10 đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị Hà M giao nộp số tiền 250.000.000 đồng để khắc phục bồi thường cho các bị hại và không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Về xử lý vật chứng: Lưu theo hồ sơ các tài liệu do các bị hại, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp.

Quan điểm của luật sư Lê Hồng P bào chữa cho bị cáo:

Luật sư không đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân tỉnh truy tố. Luật sư cho rằng trong các hợp đồng vay tiền giữa bị cáo và người cho vay không ghi mục đích vay tiền. Bị cáo vay tiền là nhằm trả tiền lãi cho các khoản vay khác chứ không có mục đích chiếm đoạt tiền vay của người cho vay. Do bị cáo nợ nhiều người cùng với việc không có tiền trả nên các chủ nợ khác thuê các đối tượng đòi nợ thuê đến uy hiếp tinh thần bị cáo dẫn đến việc bị cáo phải bỏ trốn khỏi địa phương, mục đích bị cáo bỏ trốn là nhằm đảm bảo tính mạng chứ không có mục đích chiếm đoạt số tiền vay. Như vậy bị cáo không thực hiện hành vi gian dối và không có ý định chiếm đoạt nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh BP, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo,

người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị T thừa nhận có vay nhiều lần của ông Đinh Quang S với tổng số tiền 2,7 tỷ đồng. Đối với ông Dương Văn Ph thì thừa nhận có vay tổng số tiền là 2,7 tỷ đồng, nhưng đã trả được 1,2 tỷ đồng, số tiền còn nợ ông Phin là 1,5 tỷ đồng; vay số tiền 800.000.000^d của bà Nguyễn Thị H nhưng thực tế chỉ nhận số tiền là 350 triệu đồng . Tuy nhiên, bị cáo không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình là đúng sự thật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào lời khai của các người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Trương Thị T vay của ông Dương Văn Ph số tiền 2,7 tỷ đồng; vay nhiều lần với tổng số tiền 2,7 tỷ đồng của ông Đinh Quang S và vay số tiền 800.000.000^d của bà Nguyễn Thị H bằng các hợp đồng vay tiền. Khi đến thời hạn trả tiền, Tươi không trả cũng không liên lạc được với Tươi nên ông Phin, ông Súly và bà Hương gửi đơn đến Công an tỉnh BP tố cáo Tươi chiếm đoạt tiền thì đã Tươi bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã vay. Như vậy, thông qua hợp đồng vay tiền của người khác, đã nhận được tiền, nhưng đến hạn thanh toán bị cáo không trả và bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Cáo trạng số 24/CTr-VKS-P1 ngày 27/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP truy tố bị cáo Trương Thị T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo là người đủ năng lực hành vi hoàn toàn ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện nhiều lần phạm tội nên thuộc trường hợp “ Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Dương Văn Ph yêu cầu bị can Tươi phải hoàn trả số tiền 2,7 tỷ đồng; ông Đinh Quang S 2,7 tỷ và bàNguyễn Thị H 800.000.000^d. Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị T4 chấp nhận bồi thường toàn bộ số tiền mà các bị hại yêu cầu. Xét thấy sự thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi vụ án xảy ra chị Dương Thị Hà Mỹ đã đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh BP nộp số tiền 250.000.000 đồng để bồi thường cho những người bị hại . Căn cứ vào số tiền cho vay, tính theo tỷ lệ thì ông Dương Văn Ph được nhận số tiền từ Cơ quan thi hành án là 108.750.000 đồng, ông Đinh Quang S được nhận số tiền từ Cơ quan thi hành án là 108.750.000 đồng bàNguyễn Thị H được nhận số tiền là 32.500.000đồng. Như vậy bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Dương Văn Ph là 2.591.250.000 đồng, ông Đinh Quang S là 2.591.250.000 đồng bàNguyễn Thị H được nhận số tiền là 767.500.000đồng,

Đối với số tiền Dương Thị Hà M nộp thay bị cáo tại Cục thi hành án dân sự để khắc phục một phần hậu quả mà bị cáo gây ra, tại phiên tòa chị My không yêu cầu bị cáo Tươi hoàn trả nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: giải quyết theo quy định pháp luật tố tụng hình sự

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng điều luật và đề nghị mức án xử phạt bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8]. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có một phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[10]. Án phí dân sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Thị T 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 3 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 03/2006/HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các điều 46,48 Bộ luật hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Hà Mỹ nộp số tiền 250.000.000 đồng để bồi thường cho những người bị hại tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BP

Ghi nhận sự tự nguyện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Hà Mỹ không yêu cầu bị cáo Trương Thị T trả lại số tiền 250.000.000 đồng.

Người bị hại - ông Dương Văn Ph được nhận số tiền từ Cục thi hành án là 108.750.000 đồng, ông Đinh Quang S được nhận số tiền từ Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh BP là 108.750.000 đồng bà Nguyễn Thị H được nhận số tiền là 32.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Trương Thị T phải tiếp tục bồi thường cho ông Dương Văn Ph là 2.591.250.000 đồng, ông Đinh Quang S là 2.591.250.000 đồng bà Nguyễn Thị H được nhận số tiền là 767.500.000 đồng,

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Lưu theo hồ sơ gồm:

- Tài liệu do ông Dương Văn Ph giao nộp:

+ “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC SANG NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT” ghi ngày 05/4/2019 (01 bản photocopy và 01 bản gốc) [BL232-233-577];

+ “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN”, ghi ngày 7/6/2019 (01 bản photocopy và 01 bản gốc) [BL 243-235; 578];

- “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN”, ghi ngày 13/6/2019 (01 bản photocopy và 01 bản gốc) [BL 236; 579];

- “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN”, ghi ngày 9/8/2019 (01 bản photocopy và 01 bản gốc) [237; 244-245];

- Tài liệu thu giữ tại VPCC Nguyễn Viết Hệ (bản sao) [BL 246-252]

+ Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 003259, ký công chứng ngày 23/10/2019, nội dung là Trương Thị T chuyển nhượng thửa đất tại phường TT, thành phố ĐX có GCNQSDĐ số BP580722 cho ông Dương Văn Ph và vợ là bà Nguyễn Thị Hoa;

+ Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 003260, ký công chứng ngày 23/10/2019, nội dung là Trương Thị T chuyển nhượng thửa đất tại phường TT, thành phố ĐX có GCNQSDĐ số BP580721 cho ông Dương Văn Ph và vợ là bà Nguyễn Thị Hoa.

- Tài liệu do ông Đinh Quang S giao nộp [BL 261; 271-272]:

+ “GIẤY VAY TIỀN”, ghi ngày 27/8/2019 (01 bản photocopy và 01 bản gốc);

+ “BẢN CAM KẾT”, ghi ngày 07/10/2019;

+ 01 “BẢN CAM KẾT”, ghi ngày 24/10/2019 (bản gốc) [BL 580].

- Tài liệu do bà Nguyễn Thị H giao nộp (01 bản photocopy và 01 bản gốc) [BL 288; 294; 574-576]:

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 30/8/2019;

+ 01 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” ghi ngày 23/10/2019;

+ 01 “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” ghi ngày 29/10/2019;

- Tài liệu do Thị B giao nộp- bản photocopy [BL 495]

+ 01 CMND tên Thị B;

+ 01 sổ hộ khẩu tên Thị B;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được VPCC Nguyễn Viết Hệ công chứng ngày 24/3/2018, nội dung là bà Thị B cùng các thành viên trong sổ hộ khẩu, ủy quyền cho bà Phan Thị Thu Hiền chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu An thửa đất có GCNQSDĐ số T 941662;

+ 01 GCNQSDĐ số T 941662 đứng tên hộ Thị B.

- Tài liệu do VPCC Bùi Đăng cung cấp [BL 506-509]: 01 “HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN” được công chứng ngày 14/3/2017, nội dung là bà Thị B, ông Điều Tiên, Điều Thành (bên A) ủy quyền cho bà Phan Thị Thu Hiền (bên B) nhân danh bên A ký thủ tục chuyển nhượng, tặng, cho ...thửa đất có GCNQSDĐ số T 941662 đứng tên hộ Thị B (bản sao);

- Tài liệu do chi nhánh VPĐKĐĐ huyện BD cung [BL 534-541]:

+ 01 “HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QSDĐ” số 223 được công chứng tại VPCC Nguyễn Viết Hệ ngày 24/3/2018, nội dung là bà Phan Thị Thu Hiền (bên A) chuyển nhượng thửa đất có GCNQSDĐ số T 941662 đứng tên hộ Thị B cho ông Nguyễn Hữu An (bản sao);

+ 01 “HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN” được công chứng ngày 14/3/2017, nội dung là bà Thị B, ông Điều Tiên, Điều Thành (bên A) ủy quyền cho bà Phan Thị Thu Hiền (bên B) nhân danh bên A ký thủ tục chuyển nhượng, tặng, cho ...thửa đất có GCNQSDĐ số T 941662 đứng tên hộ Thị B (bản photocopy);

- Tài liệu do bà Dương Thị Hà M giao nộp- bản gốc [BL 584-609]

+ 01 “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ghi này 26/4/2019 (bản đánh máy sẵn các thông tin bên cho vay là ông Dương Văn Ph và viết tay các thông tin về người vay là Trương Thị T);

+ 08 “Giấy vay tiền” ghi các ngày 30/5/2019; 11/6/2019; 18/6/2019; 15/7/2019; 23/7/2019; 23/7/2019; 10/8/2019; 19/8/2019 (bản đánh máy sẵn thông tin người chp vay là Đinh Quang S và có viết tay các thông tin về người vay là Trương Thị T);

+ 16 “Giấy vay tiền” của bà Trần Thị H3, gồm 11 bản viết tay ghi các ngày 17/5/2019; 23/5/2019; 7/5/2019; 15/5/2019; 29/5/2019; 04/6/2019; 07/6/2019; 10/6/2019; 11/6/2019; 05/9/2019 và 01 giấy vay tiền không ghi ngày vay, có số tiền vay là 130.000.000đ; 05 bản đánh máy sẵn thông tin người cho vay là Trần Thị H3 và có viết tay các thông tin về người vay là Trương Thị T vào các ngày: 08/8/2019; 02/8/2019; 10/8/2019; 11/8/2019; 23/8/2019.

- Tài liệu do Trương Thị T cung cấp 08 giấy vay tiền của ông Đinh Quang S (đều là bản photocopy) [BL 349-356]:

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 30/5/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 11/6/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 18/6/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 15/7/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 23/7/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 23/7/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 10/8/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 19/8/2019;

- Tài liệu do bà Trần Thị H3 giao nộp 05 giấy cho Tươi vay tiền (đều là bản photocopy) [BL 446-452]:

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 17/9/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 17/9/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 19/9/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 21/9/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 11/10/2019;

+ 01 “GIẤY VAY TIỀN” ghi ngày 15/12/2019;

- Tài liệu do ông Mai Ngọc L giao nộp: 01 “BẢN CAM KẾT” ghi ngày 07/10/2019, nội dung là Mai Ngọc L có đưa cho Trương Thị T 01 quyển sổ đỏ mang tên bà Hồ Thị D có GCN số CH 05145 để vay vốn ngân hàng nhưng không vay được, đến nay Tươi đã làm mất quyển sổ đỏ trên, Tươi cam kết không cầm cố quyển sổ đỏ ở đâu.

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Thị T phải chịu là 114.200.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh BP;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BP;
- Sở Tư pháp tỉnh BP;
- Cục Thi hành án DS tỉnh BP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQL,NVLQ;
- Người bào chữa;
- PV06;
- CQ CSĐT Công an tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo